ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM
TRƯỜNG ĐH KHOA HỌC TỰ NHIÊN

KẾT QUẢ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

Chương trình dành cho học viên cao học xét chuẩn đầu ra môn ngoại ngữ

Kỳ thi ngày: 07/6/2020

Stt	SBD	Mã HV	Họ tên học viên		Ngày sinh	Điểm thi (Tổng 4 kỹ năng)	Kết quả đánh giá
1	0706001	1670238	Trần Thị Vân	Anh	02/10/1992	Vắng	
2	0706002	801071601	Đặng Thị Mai	Anh	24/09/1984	**96**	Đạt
3	0706003	CH1601021	Vương Đình	Bắc	15/01/1987	**125**	Đạt
4	0706004	17C34007	Nguyễn Hữu	Bảo	27/10/1995	**128**	Đạt
5	0706005	17C24007	Nguyễn Thị Hồng	Cẩm	02/01/1994	**75**	Không đạt
6	0706006	1770279	Nguyễn Quốc	Cường	11/12/1993	**70**	Không đạt
7	0706007	C18607082	Trương Văn	Cường	13/02/1990	**100**	Đạt
8	0706008	C18603019	Phan Ngọc Quỳnh	Đan	14/10/1992	**124**	Đạt
9	0706009	CH1902002	Nguyễn Võ Tấn	Đạt	30/12/1988	**109**	Đạt
10	0706010	1870114	Lê Vinh	Điền	29/11/1993	Vắng	
11	0706011	CH1902003	Nguyễn Duy	Diệu	04/05/1981	**78**	Không đạt
12	0706012	CH1902004	Lê Thị Mỹ	Diệu	03/11/1994	**114**	Đạt
13	0706013	401021607	Hồ Chí	Dũng	01/08/1989	**114**	Đạt
14	0706014	CH1903001	Lâm Vũ	Dương	30/06/1986	**96**	Đạt
15	0706015	CH1902005	Nguyễn Tường	Duy	06/07/1983	**95**	Đạt
16	0706016	C18605063	Nguyễn Thị Kim	Duyên	20/04/1986	Vắng	
17	0706017	1781010103	Nguyễn Đoàn Cẩm	Giang	08/11/1994	Vắng	
18	0706018	C18610197	Nguyễn Hà	Giang	24/10/1995	**70**	Không đạt
19	0706019	18C82007	Phạm Hải	Hà	20/07/1995	**108**	Đạt
20	0706020	1770526	Nguyễn Phước	Hải	01/10/1989	Vắng	
21	0706021	CH1601025	Trịnh Trường	Hải	25/04/1986	**113**	Đạt
22	0706022	1985010105	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	29/09/1994	Vắng	

Stt	SBD	Mã HV	Họ tên học viên		Ngày sinh	Điểm thi (Tổng 4 kỹ năng)	Kết quả đánh giá
23	0706023	C18610213	Đặng Thị Lệ	Hằng	21/02/1982	**113**	Đạt
24	0706024	CH1902007	Mai Thị Hoàng	Hạnh	01/02/1984	**101**	Đạt
25	0706025	17C64006	Lê Thị	Hảo	16/08/1981	**95**	Đạt
26	0706026	1770075	Châu Minh	Hiếu	08/08/1978	**65**	Không đạt
27	0706027	1781010106	Nguyễn Thanh	Hiếu	26/08/1994	**102**	Đạt
28	0706028	16C67016	Nguyễn Ngọc	Hiếu	07/07/1992	**64**	Không đạt
29	0706029	16C52003	Nguyễn Từ	Hòa	24/07/1992	**102**	Đạt
30	0706030	17C24001	Nguyễn Hữu	Hòa	08/12/1992	**78**	Không đạt
31	0706031	18C52015	Bùi Thế	Hòa	04/07/1993	Vắng	
32	0706032	CH1902009	Châu Minh	Hòa	14/01/1996	**111**	Đạt
33	0706033	CH1802044	Lê Minh Khánh	Hội	18/08/1995	**110**	Đạt
34	0706034	1781010108	Nghiệp Thị	Hồng	16/03/1993	**92**	Đạt
35	0706035	1770280	Nguyễn Mạnh	Hùng	15/12/1992	**73**	Không đạt
36	0706036	401021611	Nguyễn Đình	Hùng	23/02/1989	**88**	Đạt
37	0706037	CH1902011	Lê Mạnh	Hùng	08/06/1990	Vắng	
38	0706038	18C52019	Hứa Hiền	Hữu	10/08/1993	Vắng	
39	0706039	17C63005	Huỳnh Trọng	Kha	15/06/1994	**71**	Không đạt
40	0706040	CH1903004	Phạm Minh	Khan	26/02/1985	**93**	Đạt
41	0706041	CH1902012	Nguyễn Hồ	Khánh	07/10/1981	**98**	Đạt
42	0706042	1870103	Nguyễn Dương Đăng	Khoa	03/09/1993	**95**	Đạt
43	0706043	15C12006	Hoàng	Khuê	10/06/1989	Vắng	
44	0706044	101021606	Trần Thị Diễm	Kiều	23/10/1992	**95**	Đạt
45	0706045	801071617	Lưu Hoàng	Lai	08/04/1984	**100**	Đạt
46	0706046	C18610214	Phạm Thị	Lam	06/06/1994	**84**	Đạt
47	0706047	1770081	Dương Tùng	Lâm	23/02/1980	**87**	Đạt
48	0706048	201801019	Nguyễn Thị Mai	Lan	30/04/1996	**99**	Đạt

Stt	SBD	Mã HV	Họ tên học viên		Ngày sinh	Điểm thi (Tổng 4 kỹ năng)	Kết quả đánh giá
49	0706049	1670171	Nguyễn Khánh	Lân	24/08/1991	**87**	Đạt
50	0706050	CH1902013	Bùi Thanh	Liêm	03/07/1987	**87**	Đạt
51	0706051	401021615	Nguyễn Phước Thảo	Linh	19/09/1992	**121**	Đạt
52	0706052	16C32022	Nguyễn Thùy	Linh	15/11/1993	**127**	Đạt
53	0706053	16C34025	Trần Thị Thùy	Linh	04/10/1990	**65**	Không đạt
54	0706054	17C34001	Nguyễn Lâm Thùy	Linh	03/04/1992	Vắng	
55	0706055	C18610219	Nguyễn Khánh	Linh	19/05/1973	**68**	Không đạt
56	0706056	CH1702038	Nguyễn Tài Tấn	Lộc	02/05/1992	Vắng	
57	0706057	CH1802015	Trần Văn	Long	26/02/1992	**117**	Đạt
58	0706058	C18605058	Võ Thị	Luận	21/10/1977	Vắng	
59	0706059	1781010113	Phan Trọng	Luật	22/06/1978	**96**	Đạt
60	0706060	1770281	Nguyễn Hải	Lý	09/08/1988	**83**	Đạt
61	0706061	18C82001	Khưu Thiện	Minh	28/04/1995	**126**	Đạt
62	0706062	16C34018	Lê Thị Hoài	My	02/09/1994	**111**	Đạt
63	0706063	17C34017	Tạ Hùng	Nam	21/04/1989	**93**	Đạt
64	0706064	CH1802018	Vũ Thế	Nam	16/03/1978	**128**	Đạt
65	0706065	1985010113	Lê Thị Nguyệt	Nga	07/11/1986	**103**	Đạt
66	0706066	17C63001	Lê Thị	Nga	18/08/1984	**88**	Đạt
67	0706067	18B8501014	Nguyễn Thị Hoàng	Nga	23/09/1995	**113**	Đạt
68	0706068	18C82011	Nguyễn Thị Kiều	Nga	05/05/1994	**111**	Đạt
69	0706069	17C31010	Nguyễn Hữu	Nghĩa	30/01/1995	**102**	Đạt
70	0706070	17C52010	Mai Trọng	Nghĩa	23/12/1993	**93**	Đạt
71	0706071	18C29006	Phùng Thị	Nghĩa	30/10/1991	**110**	Đạt
72	0706072	16C52012	Nguyễn Hoàng	Nguyên	16/12/1994	**128**	Đạt
73	0706073	19C32009	Trần Văn	Nguyên	21/07/1995	**129**	Đạt
74	0706074	18C82012	Chung Thị	Nhâm	06/04/1995	**97**	Đạt

Stt	SBD	Mã HV	Họ tên học viên		Ngày sinh	Điểm thi (Tổng 4 kỹ năng)	Kết quả đánh giá
75	0706075	19C32010	Lê Trương Kiều	Oanh	10/11/1991	**103**	Đạt
76	0706076	1770282	Lê Nguyễn Bá	Phúc	06/07/1993	**74**	Không đạt
77	0706077	1781010118	Trương Hoàng	Phúc	24/08/1995	Vắng	
78	0706078	18C32015	Nguyễn Thành	Phúc	24/02/1996	**106**	Đạt
79	0706079	CH1902015	Ngô Hữu	Phúc	19/12/1984	**92**	Đạt
80	0706080	101011607	Nguyễn Thị	Phương	04/02/1990	**93**	Đạt
81	0706081	18C82002	Nguyễn Thị Ngọc	Phương	25/09/1995	**116**	Đạt
82	0706082	C18602009	Trịnh Hà	Phương	21/03/1992	**71**	Không đạt
83	0706083	1870269	Trần Thị Bích	Phượng	12/12/1984	Vắng	
84	0706084	CH1802023	Dương Văn	Quảng	20/10/1986	**99**	Đạt
85	0706085	CH1902017	Bùi Minh	Quốc	09/01/1993	**126**	Đạt
86	0706086	17C34002	Đặng Phước	Sang	22/07/1994	**101**	Đạt
87	0706087	1870128	Lâm Thế	Sơn	22/06/1979	**91**	Đạt
88	0706088	CH1902018	Nguyễn Văn	Tâm	03/10/1995	**103**	Đạt
89	0706089	401021632	Phạm Ngọc	Tân	15/12/1990	**85**	Đạt
90	0706090	17C35003	Huỳnh Anh	Tấn	25/05/1980	**66**	Không đạt
91	0706091	18C22004	Trần Thị Xuân	Tánh	20/09/1995	**81**	Đạt
92	0706092	CH1901030	Nguyễn Hữu	Thái	30/04/1982	**117**	Đạt
93	0706093	18C82014	Châu Thị	Thắng	20/09/1989	**101**	Đạt
94	0706094	1670760	Phạm Hồng	Thanh	25/02/1975	Vắng	
95	0706095	1781010120	Đào Thị Thanh	Thảo	29/03/1985	**86**	Đạt
96	0706096	C18605059	Nguyễn Thị Phương	Thảo	01/01/1994	Vắng	
97	0706097	17C11011	Nguyễn Thanh	Thi	16/05/1991	**110**	Đạt
98	0706098	1770538	Nguyễn Huỳnh Quang	Thiện	04/04/1991	**85**	Đạt
99	0706099	C186050654	Đinh Văn	Thọ	23/03/1985	**95**	Đạt
100	0706100	18C24013	Ngô Thị Thùy	Thương	26/08/1995	**107**	Đạt

Stt	SBD	Mã HV	Họ tên học viên		Ngày sinh	Điểm thi (Tổng 4 kỹ năng)	Kết quả đánh giá
101	0706101	CH1901014	Lê Thị Thanh	Thùy	22/04/1995	Vắng	
102	0706102	C18610192	Nguyễn Lê Như	Thủy	20/12/1982	Vắng	
103	0706103	CH1801016	Bùi Dương Thủy	Tiên	11/11/1984	**102**	Đạt
104	0706104	1670761	Kiều Trung	Tín	08/04/1982	**102**	Đạt
105	0706105	C17604019	Trịnh Minh	Tín	02/02/1991	**99**	Đạt
106	0706106	C18609133	Lê Thị Thanh	Tịnh	14/05/1985	**90**	Đạt
107	0706107	17C11012	Lê Đức	Toàn	28/12/1991	**93**	Đạt
108	0706108	19C36002	Hồ Công	Toàn	28/05/1994	**91**	Đạt
109	0706109	CH1902022	Trần Khánh	Toàn	29/10/1996	Vắng	
110	0706110	18C82004	Lê Thị Ngọc	Trà	04/09/1995	**112**	Đạt
111	0706111	16C21015	Lê Hoàng	Trâm	09/09/1994	**105**	Đạt
112	0706112	18C82016	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	21/10/1995	**99**	Đạt
113	0706113	1781010123	Trần Diệu	Trang	15/03/1994	**99**	Đạt
114	0706114	17C21012	Trần Thị Thùy	Trang	26/10/1995	**101**	Đạt
115	0706115	C18603025	Vương Huyền	Trang	01/10/1989	**90**	Đạt
116	0706116	CH1602012	Nguyễn Trọng	Trí	1982	**75**	Không đạt
117	0706117	C17604021	Đào Phạm Hồng	Trinh	25/10/1992	**107**	Đạt
118	0706118	CH1902023	Trần Thị Việt	Trinh	15/07/1993	**122**	Đạt
119	0706119	1870257	Bùi Quang	Trọng	16/09/1994	**73**	Không đạt
120	0706120	1681010108	Huỳnh Bảo	Trọng	31/05/1993	**124**	Đạt
121	0706121	1870107	Trần Đỗ Quốc	Trung	29/08/1980	Vắng	
122	0706122	1870136	Trần Quang	Trường	12/05/1979	**80**	Đạt
123	0706123	CH1902024	Nguyễn Thanh	Tú	23/07/1979	**101**	Đạt
124	0706124	18C29019	Nguyễn Trần Anh	Tuấn	08/01/1993	**82**	Đạt
125	0706125	18C34018	Võ Anh	Tuấn	16/09/1994	**109**	Đạt
126	0706126	801071656	Hồ Thị Ánh	Tuyết	23/07/1986	**111**	Đạt
127	0706127	1770595	Trần Đặng Lan	Vân	01/05/1994	**82**	Đạt

Stt	SBD	Mã HV	Họ tên học viên		Ngày sinh	Điểm thi (Tổng 4 kỹ năng)	Kết quả đánh giá
128	0706128	18C22005	Đoàn Thị Thúy	Vân	06/05/1989	**119**	Đạt
129	0706129	CH1902027	Nguyễn Thị Thu	Vân	24/09/1979	**111**	Đạt
130	0706130	CH1902028	Trần Đức	Việt	19/12/1994	**93**	Đạt
131	0706131	1870137	Đinh Quang	Vinh	19/07/1991	Vắng	
132	0706132	C18605071	Phạm Đức	Vinh	13/01/1994	**113**	Đạt
133	0706133	CH1602033	Phạm Ngọc	Vinh	05/10/1990	**84**	Đạt
134	0706134	CH1801041	Nguyễn Đức	Vũ	19/11/1996	**108**	Đạt
135	0706135	C18609140	Phạm Nguyễn Thanh	Vy	08/09/1990	Vắng	
136	0706136	15C54006	Phạm Đình	Vỹ	03/01/1989	Vắng	
137	0706137	1885010135	Trần Thị Kim	Yến	21/02/1978	**90**	Đạt
138	0706138	C17604023	Lê Bích	Yến	06/02/1992	**98**	Đạt
139	0706139	1670922	Ngô Lan	Vy	17/03/1995	**122**	Đạt
140	0706140	CH1602008	Lê Thanh	Phương	12/07/1983	**88**	Đạt
141	0706141	CH1901029	Phan Thanh Duy	Tân	31/08/1987	**112**	Đạt
142	0706142	17C21009	Nguyễn Thị Ngọc	Thu	11/12/1995	**112**	Đạt
143	0706143	16C52015	Trần Lâm Thanh	Thiện	30/07/1994	**124**	Đạt

Tổng số : 143 học viên đăng ký dự thi, trong đó:

Số vắng thi: 24 học viên

Số dự thi: 119 học viên

Số đạt yêu cầu: 75 học viên (86.55%)

Số không đạt: 16 học viên (13.45%)

Thành phố Hồ chí Minh, ngày 16 tháng 6 năm 2020

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

HIỆU TRƯỞNG

Trần Linh Thước